

Bản án số: 74/2018/ HNGĐ-ST

Ngày 20-8-2018

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VINH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng.

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng.

2. Ông Nguyễn Văn Trước.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 297/ 2018/ TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018, về việc “ Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc N, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp Q, xã Đ, huyện H, tỉnh L.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Trung H, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã Đ, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc N trình bày:

Qua quen biết chị và anh H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và chung sống như vợ chồng từ năm 2008, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung, sau khi sinh con phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh H có người phụ nữ khác, không lo cho vợ con. Từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn

gắn được. Chị và anh H ly thân từ nhiều năm nay, anh H không quan tâm gì đến chị. Vì vậy chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 21/10/2009. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nếu có chị cam kết trả nợ theo quy định.

- Tại bản khai ý kiến đề ngày 06/7/2018, anh Nguyễn Trung H trình bày: Anh và chị N sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống không có hạnh phúc. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 21/10/2009. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Anh H xin được giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Tại biên bản hòa giải không được ngày 02/8/2018 cháu Nguyễn Trung H trình bày: Cháu là con của chị N và anh H. Khi cha mẹ ly hôn ý kiến của cháu được sống chung với chị N.

- Ý kiến của chị N tại phiên Tòa: Sau khi cưới khoảng 02 năm anh H thường xuyên kiểm chuyện, mắng chửi và đuổi chị ra khỏi nhà, chị và anh H ly thân khoảng 07 năm, anh H không liên lạc cũng không chu cấp cho con. Thời gian gần đây anh H có quen người phụ nữ khác, chị không còn tình cảm với anh H và yêu cầu được ly hôn với anh H, yêu cầu được nuôi con. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Anh H đã nộp cho Tòa án bản khai ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị N và yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2008, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó hôn nhân của chị N và anh H không có giá trị pháp lý.

[3]. Trong thời gian chung sống giữa chị N và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn. Xuất phát từ việc anh H không lo cho vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt, kiểm chuyện và đuổi chị N ra khỏi nhà, anh H còn có người phụ nữ khác bên ngoài. Chị N và anh H thừa nhận giữa anh chị sống với nhau không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được. Anh chị sống ly thân nhiều năm nên không còn tình cảm với nhau. Anh H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Nhưng

do giữa chị N và anh H không có đăng ký kết hôn nên không công nhận chị N và anh H là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh H. Giao cháu H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu H.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[7]. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[8] Về án phí: Buộc chị N phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị Ngọc N và anh Nguyễn Trung H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 21/10/2009 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu H.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Ngọc N nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001660 ngày 06/7/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- Ủy ban nhân dân xã Đ-LH-VL
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng